TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2023/DS - PT
Ngày 13 – 12 – 2023
V/v tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2023/TLPT- DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp lối đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2023/DS - ST ngày 30/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 336/2023/QĐ- PT ngày 06 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số: 294/2023/QĐ- PT ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Ngọc Y – Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà E Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H – Sinh năm 1991

Địa chỉ: Số B N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng V – Sinh ngày 31/12/1963.

Địa chỉ: Số D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Duy P

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Duy N – Sinh năm 1968.

Địa chỉ: Liên gia G , TDP E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

3. Ông Nguyễn Duy L – Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Liên gia G , TDP E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

4. Ông Nguyễn Cao S.

Địa chỉ: 2 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

5. Ông Nguyễn Định Q và bà Nguyễn Thị Mỹ V1

Cùng địa chỉ: D N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đều vắng mặt.

6. Ông Phan Quang D.

Địa chỉ: Số nhà E Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H; có mặt.

Địa chỉ: Số B N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Võ Thị Ngọc Y nhận chuyển nhượng thửa đất số 41, tòa bản đồ số 66, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk của ông Nguyễn Định Q và bà Nguyễn Thị Mỹ V1. Bà Y đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 398973, số vào sổ CS -14387, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/6/2020. Trên sơ đồ thửa đất đã có thể hiện đường đi rộng 4,5-8m (Quy hoạch rộng 24m).

Tại thời điểm chuyển nhượng, bà Võ Thị Ngọc Y sử dụng lối đi trên phần diện tích đất của chủ đất cũ là bà Nguyễn Thị Mỹ V1 và ông Nguyễn Định Q. Sau này, khi ông Q và và V1 không cho đi nữa và có đơn tranh chấp tại Ủy ban nhân dân phường T thì bà Y mới biết đường đi thể hiện trên giấy chứng nhận không phải là lối đi này. Khi bà Y sử dụng đường đi theo đúng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thể hiện thì bà Nguyễn Thị Hồng V là con của bà Nguyễn Thị B đã gây cản trở, cố tình chặn và lấn chiếm con đường nói trên không cho bà Y sử dụng.

Do vậy, bà Võ Thị Ngọc Y khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết xác định phần diện tích đất 158.9 m^2 có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất 41, tờ bản đồ số 66 của bà Võ Thị Ngọc Y dài 29.07m; phía Nam giáp thửa đất của bà Nguyễn Thị B, dài 28.60m; phía Đông giáp nghĩa địa, dài 5.39m; phía Tây giáp đường bê-tông,

dài 5.28m. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và các con của bà B là ông Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao S, Nguyễn Duy L dịch chuyển các đống đất, đã trên con đường và trả lại hiện trạng lối đi chung.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao S, Nguyễn Duy L, Nguyễn Duy P và người đại diện theo ủy quyền của những người này là ông Nguyễn Tiến T trình bày:***

Mẹ của các ông bà là bà Nguyễn Thị B (đã mất vào tháng 3/2022) và cha Nguyễn Huy L1 (đã mất năm 1996) là chủ sở hữu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại phường T, thành phố B. Phần đất này hiện nay giáp với đất của bà Võ Thị Ngọc Y. Cha mẹ ông, bà có 05 người con là: Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Cao S, Nguyễn Duy N, Nguyễn Duy L và Nguyễn Duy P.

Quá trình sử dụng đất từ trước đến nay, gia đình các ông bà sử dụng ổn định và xác định không có lối đi chung nào với nhà bà Võ Thị Ngọc Y. Thực tế, bà Y mua đất từ ông Nguyễn Định Q và bà Nguyễn Thị Mỹ V1. Theo ông bà được biết, giữa ông Q, bà V1 và bà Y có thỏa thuận cho bà Y đi chung con đường thuộc thửa đất của ông Q, bà V1 nhưng sau này không biết vì lý do gì mà ông Q và bà V1 không cho bà Y đi nữa. Nên sau đó, bà Y có qua nhà bà Nguyễn Thị Hồng V xin đường đi. Tuy nhiên, khi gia đình ông, bà chưa đồng ý thì bà Y đã tự ý phá hàng rào giữa hai nhà. Gia đình các ông, bà không đồng ý đối với hành vi đó của bà Y nên đã đổ đất, đá chặn lại.

Đối với đường đi thể hiện trên một số các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Duy N thì đây là đường nội bộ do gia đình tự mở. Gia đình sử dụng đến năm 2005, khi căn nhà của ông Nguyễn Duy N bị cháy thì anh em trong gia đình mới bàn bạc, thống nhất chuyển đường đi vào thửa đất số 82 của ông Nguyễn Duy N ra phía trước thành con đường bê tông theo hiện trạng hiện nay. Do vậy, lối đi này gia đình không sử dụng nữa và tiến hành lấp lại.

Đối với số đất, xà bần có trên phần diện tích tranh chấp là gia tất cả các anh, chị em trong gia đình cùng nhau đổ lên từ thời điểm khoảng tháng 6/2022.

Nay bà Võ Thị Ngọc Y đề nghị Tòa án xác định phần diện tích đất của gia đình ông, bà là con đường có trên Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 398973, số vào sổ CS -14387, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/6/2020, buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và những người con của bà Nguyễn Thị B dịch chuyển các đống đất, đá trên con đường và trả lại hiện trạng lối đi chung với diện tích đất lấn chiếm 158,5 m2 thì các ông, bà không đồng ý.

Trường hợp phải mở lối đi thì các bên thương lượng và giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ V1 và ông Nguyễn Định Q trình bày:***

Ông, bà là con của ông Nguyễn Ngọc T1. Ông, bà được nhận thừa kế thửa đất số 21, tờ bản đồ số 66, tại phường T, thành phố B và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này vào năm 2016.

Năm 2020, ông, bà thực hiện việc tách thửa đất 21 thành thửa số 40 và thửa số 41 và chuyển nhượng cho bà Võ Thị Ngọc Y thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66. Trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì đều thể hiện phía trước thửa đất có con đường. Quá trình chuyển nhượng, hai bên đã thực hiện đúng và hoàn thành nghĩa vụ, quyền lợi và bàn giao tài sản cho nhau.

Trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng bà Võ Thị Ngọc Y có ngỏ lời mượn thêm một phần đất để mở rộng thêm con đường phía trước cho thuận tiện xe cotainer ra vào, quay đầu. Nên ông, bà đã cho mượn tạm phần đất đó để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kinh doanh, khi nào cần lấy lại thì sẽ báo trước. Sau đó, địa phương đã giải quyết nội dung này.

Trước đây, hiện trạng phía trước thửa đất đã có con đường trước đó rộng khoảng 4.5 m. Vì hiện trạng đã có con đường nên ông bà không có nghĩa vụ phải làm thêm con đường nào, ông bà cũng không tranh chấp lối đi với ai.

Hiện nay, bà Võ Thị Ngọc Y khởi kiện gia đình bà Nguyễn Thị Hồng V cùng những người con khác của bà Nguyễn Thị B về lối đi chung thì ông, bà không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người làm chứng bà Nguyễn Thị T2 trình bày:***

Gia đình bà sinh sống tại địa phương tại liên gia G, tổ dân phố E, phường T, thành phố B từ khoảng năm 1976. Trước đây, các hộ dân lân cận và gia đình bà đi lại qua lối mòn hẹp chỉ đủ xe đạp đi qua lại và đi nhờ trên đất của nhau.

Gia đình bà Nguyễn Thị B về sinh sống trên thửa đất cuối cùng tiếp giáp với nghĩa địa Tân Hòa từ khoảng năm 1980. Khoảng năm 1991 – năm 1992, các hộ dân có ý định làm thủ tục cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã họp nhau lại để mở đường. Mỗi gia đình bỏ ra 02 hàng cà phê để làm đường và sử dụng cho đến nay.

Gia đình bà Nguyễn Thị B cũng tự bỏ ra 02 hàng cà phê để làm đường đi cho gia đình bà B, bà B cho con trai là ông Nguyễn Duy N phần diện tích đất ở cuối đất của bà B beeb ông N dùng đường đi này để đi vào đất của mình. Sau này, khi nhà ông N bị cháy thì đã dời đườngddi về phía trước. Do vậy, phần đường đi từ

đầu đất của bà B trở vào giáp với nghĩa địa thì không ai sử dụng và đã được các con của bà B rào lại và quản lý cho đến nay.

**** Người làm chứng ông Nguyễn P1 trình bày:***

Gia đình ông sinh sống tại địa phương tại liên gia G, tổ dân phố E, phường T, thành phố B từ khoảng năm 1978 cho đến nay. Khi gia đình ông về sinh sống tại địa phương thì không có đường đi, chỉ đi lại qua lối mòn hẹp đủ xe đạp đi qua lại và đi nhờ trên đất của nhau.

Đến khoảng năm 1994, các hộ dân cần đường lớn để đi lại thì tự nguyện họp nhau lại và mỗi gia đình bỏ ra 02 hàng cà phê để làm đường và sử dụng cho đến nay.

Phía nhà bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Huy L1 cũng tự bỏ ra 02 hàng cà phê để làm đường đi làm lối đi vào đất của gia đình. Ngoài các nội dung khác ông không nắm rõ.

**** Người làm chứng ông Nguyễn Văn B1 trình bày:***

Ông sinh sống tại địa phương từ những năm 1960. Đường đi hiện trạng của hẻm cuối đường T là đường đi vào của các hộ dân nhà bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn P1..... là do các hộ dân tự mở để đi vào đất của mình. Ngoài các nội dung khác ông không nắm rõ.

**** Người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ trình bày:***

Trước đây, khu vực có phần đường các bên đang tranh chấp là các lô cao su và đất trồng cà phê. Phía đất nhà bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Huy L1, bà Nguyễn Thị T2 .... là đất trồng cà phê. Đất phía đối diện là của ông Nguyễn Ngọc T1 thì trồng cao su.

Ranh giới giữa 02 phần đất này có 01 đường lô cao du để đi lại. Tuy nhiên, sau này thì đường lô này không còn. Các hộ dân nằm cùng phía với hộ bà Nguyễn Thị B đã tự bỏ ra một ít đất để làm lối đi vào tiếp giáp với nghĩa địa. Còn cụ thể như thế nào thì ông không nắm rõ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2023/DS - ST ngày 30/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. *Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- Áp dụng: Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 163, Điều 169, Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] **Tuyên xử:**

- Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Y.

Xác định phần đất có diện tích 158,9m^2 có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 41, 42 tờ bản đồ số 66 dài 27.85m; phía Nam giáp thửa đất số 57 và 82 tờ bản đồ số 8 dài 28.6m; phía Đông giáp với nghĩa địa phường T dài 5.39m; phía Tây giáp đường bê tông hẻm T, tổ dân phố E, phường T, thành phố B dài 5.28m là lối đi chung.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Duy N, ông Nguyễn Duy L, ông Nguyễn Cao S, ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ di dời vật kiến trúc (đất, xà bần) trên lối đi này để trả lại lối đi chung

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Ngọc Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V là có căn cứ để chấp nhận một phần. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2023/DS - ST ngày 30/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Y, xác định con đường là lối đi chung, đồng thời buộc bà Võ Thị Ngọc Y có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng V giá trị con đường theo biên bản định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V , HĐXX nhận định như sau:

Ngày 10/10/2003, bà Nguyễn Thị B có đơn đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12 diện tích 4.000m^2. Tại Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất cà phê 24 hộ phường T, thành phố B và tại Sơ đồ hiện trạng lô đất đều thể hiện phía Bắc của thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12 có đường đi (BL 86, BL 89). Ngày 29/12/2003, hộ bà Nguyễn Thị B được UBND thành phố B cấp GCNQSD theo số vào sổ cấp GCNQSD đất số 428482QSDĐ/AH, tại trích lục bản đồ trong GCNQSD đất cũng thể hiện phía Bắc của thửa đất có con đường.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/3/2023 (BL 47), ông Dương Hiển H1 – công chức địa chính phường T xác định: Trong bản đồ địa chính có thể hiện phía trước thửa đất số 41 và số 40 có đường đi rộng 4 – 5m chạy dài đến hết thửa đất số 41. Đường giao thông này được thể hiện từ thời điểm cấp GCNQSD đất cho hộ bà Nguyễn Thị B theo tờ bản đồ cũ. Phần diện tích đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị B hiện nay là các thửa 57,80,81 tờ bản đồ số 8 (tờ bản đồ mới).

Tại Biên bản xác minh ngày 27/4/2023 (BL 187) xác định: Theo bản đồ đo kỹ thuật số năm 2006 – 2007 thì tại các thửa đất số 57 và thửa số 21 (tờ bản đồ số 8) có thể hiện con đường giáp đất nghĩa trang nằm phía trước các thửa đất.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hồng V có đơn trình bày và xác nhận với nội dung: Lối đi phía Bắc thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị B, giáp hàng rào với hộ ông Nguyễn Ngọc T1 (nay là ông Nguyễn Định Q) là do hộ bà Nguyễn Thị B tự mở để đi vào phía sau đất của hộ bà Nguyễn Thị B. Sau này, hộ bà Nguyễn Thị B đã mở đường sang phía Tây thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị B (mặt tiền nhà bà B) để thuận tiện việc đi lại nên không còn để lối đi phía Bắc thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị B nữa.

Bà Nguyễn Thị Hồng V cho rằng đơn trình bày và xác nhận của bà có những người làm chứng là ông Lê Hữu P2, ông Nguyễn Văn B1, ông Nguyễn P1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T2 ký xác nhận, tuy nhiên, xét thấy những người này chỉ ký tên, không xác nhận nội dung. Mặt khác, Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành lấy lời khai của những người này và những người này

đều xác định, khoảng năm 1994, các hộ dân cần đường lớn để đi lại thì tự nguyện họp nhau lại và mỗi gia đình (trong đó có gia đình bà Nguyễn Thị B) bỏ ra 02 hàng cà phê để làm đường và sử dụng cho đến nay.

Như vậy, lời khai của những người làm chứng là phù hợp với sơ đồ địa chính tại thời điểm hộ bà Nguyễn Thị B được cấp GCNQSD đất, phù hợp với kết quả xác minh tại UBND phường T và phù hợp với kết quả đo đạc của Công ty TNHH Đ1. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm xác định đất có diện tích 158,9m^2 có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 41, 42 tờ bản đồ số 66 dài 27.85m; phía Nam giáp thửa đất số 57 và 82 tờ bản đồ số 8 dài 28.6m; phía Đông giáp với nghĩa địa phường T dài 5.39m; phía Tây giáp đường bê tông hẻm T, tổ dân phố E, phường T, thành phố B dài 5.28m là lối đi chung là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V là không có căn cứ.

[3]. Về chi phí tố tụng:

Bà Võ Thị Hồng Y1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc là 6.592.000 đồng và chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2.000.000 đồng. Số tiền này bà Y1 đã nộp và đã chi phí xong nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Ngọc Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Đỗ Phi L2 nộp thay theo biên lai số AA/2021/0022724 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

[4.2]. Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1].Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V.

Giữ nguyên Bản án dân sư sơ thẩm số 109/2023/DS – ST ngày 30/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Y.

Xác định phần đất có diện tích 158,9m2 có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 41, 42 tờ bản đồ số 66 dài 27.85m; phía Nam giáp thửa đất số 57 và 82 tờ bản đồ số 8 dài 28.6m; phía Đông giáp với nghĩa địa phường T dài 5.39m; phía Tây giáp đường bê tông hẻm T, tổ dân phố E, phường T, thành phố B dài 5.28m là lối đi chung.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Duy N, ông Nguyễn Duy L, ông Nguyễn Cao S, ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ di dời vật kiến trúc (đất, xà bần) trên lối đi này để trả lại lối đi chung

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Ngọc Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Đỗ Phi L2 nộp thay theo biên lai số AA/2021/0022724 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2022/0003061 ngày 26/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

[4].Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đăng Cổng TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Văn Công Dần